

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XII

### Phẩm 19: THÁNH HẠNH 2

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát Tập đế như thế nào? Này thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát Tập đế này chính là nhân duyên của ấm. Cái gọi là Tập là trở lại ái nơi hữu. Ái có hai thứ, một là ái về thân mình, hai là ái những thứ cần dùng. Ái lại có hai thứ, chưa được nắm dụng thì chuyên tâm tìm cầu, đã cầu được rồi thì nắm giữ tham đắm. Ái lại có ba thứ là ái cõi Dục, ái cõi Sắc và ái cõi Vô sắc. Ái lại có ba thứ là ái nhân duyên nghiệp, ái nhân duyên phiền não, ái nhân duyên khổ. Người xuất gia có bốn thứ ái. Những gì là bốn? Đó là y phục, ẩm thực, ngoại cụ, thuốc thang. Ái lại có năm thứ là tham đắm năm ấm, tùy theo những thứ cần dùng, ái trước tất cả, phân biệt tính toán vô lượng vô biên. Này thiện nam! Ái có hai thứ, một là ái thiện, hai là ái bất thiện. Ái bất thiện là sự cầu mong của phàm phu ngu si. Ái pháp thiện là sự cầu mong của các Bồ-tát. Ái pháp thiện lại có hai thứ là bất thiện và thiện. Cầu Nhị thừa thì gọi là bất thiện. Cầu Đại thừa thì gọi là thiện. Này thiện nam! Ái của phàm phu thì gọi là Tập, chẳng gọi là Đế. Ái của Bồ-tát thì gọi là Thật đế, chẳng gọi là Tập. Vì sao? Vì độ chúng sinh nên mới thọ sinh chứ chẳng do ái mà thọ sinh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật Thế Tôn ở trong các kinh khác vì các chúng sinh mà nói nghiệp là nhân duyên, hoặc nói kiêu mạn, hoặc nói sáu xúc chạm, hoặc nói vô minh vì năm thịnh ấm mà tạo tác nhân duyên. Nay Thế Tôn vì nghĩa gì nói bốn Thánh đế chỉ dùng tánh của ái làm nhân của năm ấm?

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Đúng như lời ông nói, các nhân duyên chẳng phải là chẳng phải nhân, nhưng chỉ có năm ấm là nhân duyên chủ yếu đối với ái. Đây thiện nam! Ví như vị đại vương, nếu ra đi tuần du thì đại thần, quyến thuộc đều đi theo. Ái cũng như vậy, tùy theo phạm vi hoạt động của ái mà các kiết này v.v... cũng lại đi theo. Ví như áo có mồ hôi thì bụi bám vào, mà bám vào thì dính chắc. Ái cũng như vậy, tùy theo chỗ ở của ái mà nghiệp kiết bám chắc. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như đất ẩm thì hạt có thể mọc mầm; ái cũng như vậy, có thể nảy sinh mầm phiền não của tất cả nghiệp. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát thâm sâu ái này thì thường có chín thứ, một là như nợ chưa hết, hai là như vợ là La-sát, ba là như cành hoa đẹp có rắn độc quấn quanh, bốn là như thức ăn chẳng ưa thích mà buộc phải ăn, năm là như dâm nữ, sáu là như hạt ma-la-ca, bảy là như thịt thối trong ung nhọt, tám là như gió mạnh, chín là như sao chổi.

Này thiện nam! Sao gọi là như nợ chưa hết? Ví như người nghèo cùng thiếu tiền của người khác, tuy muốn trả nhưng vẫn chưa hết, như bị trói trong ngục mà chẳng thoát được. Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, do có dư khí của ái tập nên chẳng thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Đó gọi là như nợ chưa trả hết.

Này thiện nam! Sao gọi là như vợ là La-sát? Ví như có người cưới La-sát làm vợ, gái La-sát này hễ sinh ra con liền ăn con, ăn con đã hết lại ăn luôn cả chồng. Đây thiện nam! Nữ La-sát ái cũng như vậy, theo các chúng sinh sinh ra con thiện căn, sinh ra rồi ăn thịt, con thiện căn đã hết, lại ăn luôn chúng sinh, khiến cho họ rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như vợ là La-sát.

Này thiện nam! Sao gọi là như cành hoa đẹp có rắn độc quấn quanh? Ví như có người tính ưa thích hoa, chẳng thấy tai họa rắn độc trên cành hoa liền nắm lấy, nắm rồi bị rắn độc cắn, liền mạng chung. Tất cả phàm phu cũng như vậy, tham hoa năm dục, chẳng thấy tai họa của rắn độc ái mà vội nắm lấy, liền bị nọc độc của rắn

ái mà mạng chung, đọa vào trong ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như cành hoa đẹp có rắn độc quấn quanh.

Này thiện nam! Sao gọi là thức ăn khó tiêu mà gượng ăn? Ví như có người đối với thức ăn khó tiêu mà gượng ăn, ăn rồi bị bệnh đau bụng mà chết. Món ăn ái cũng như vậy, chúng sinh trong năm đường do tham đắm mà ăn vào. Do nhân duyên này nên rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là thức ăn chẳng tiêu hóa mà gượng ăn.

Này thiện nam! Sao gọi là như dâm nữ? Ví như người ngu cùng với dâm nữ thông dâm mà dâm nữ kia khéo làm đủ thứ nịnh hót, hiện bày thân mật để đoạt hết tiền tài sở hữu của người đó, tiền tài đã hết liền bị đuổi đi. Dâm nữ ái cũng như vậy, người ngu không trí cùng nó giao du. Dâm nữ ái này đoạt hết tất cả pháp thiện của người ấy, pháp thiện đã hết thì xua đuổi khiến cho rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như dâm nữ.

Này thiện nam! Sao gọi là như hạt ma-lâu-ca? Ví như hạt ma-lâu-ca, nếu chim ăn rồi theo phân rơi xuống đất, hoặc nhân gió thổi đến ở dưới cây ni-câu-la. Nó liền sinh trưởng, quấn quanh, trói buộc cây ni-câu-la khiến cho cây ấy chẳng tăng trưởng mà khô chết. Hạt ma-lâu-ca ái cũng như vậy, trói buộc pháp thiện của phàm phu chẳng cho tăng trưởng đi đến khô chết. Đã khô chết rồi thì sau khi mạng chung rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như hạt ma-lâu-ca.

Này thiện nam! Sao gọi là như thịt thối trong ung nhọt? Như người có ung nhọt lâu ngày thì thịt bị thối. Người ấy cần phải siêng năng hết lòng trị liệu, chớ sinh tâm bỏ phế. Nếu sinh lòng bỏ phế thì chỗ thịt lở lớn thêm, trùng lại sinh ra. Do nhân duyên này nên mạng chung. Ghẻ lở năm ấm của người phàm phu ngu si cũng như vậy, ái là thịt thối trong ấy, cần phải dốc lòng siêng trị thịt thối ái. Nếu chẳng trị liệu thì mạng chung liền rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như thịt thối trong ung nhọt.

Này thiện nam! Sao gọi là như gió mạnh? Ví như gió mạnh có thể san bằng núi gò, nhổ bật cả rễ sâu. Gió mạnh ái dục cũng như

vậy, ở chỗ cha mẹ sinh tâm ác có thể nhổ bật gốc rễ Bồ-đề sâu chắc vô thượng như của bậc đại trí Xá-lợi-phất v.v..., chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như gió mạnh.

Này thiện nam! Sao gọi là như sao chổi? Ví như sao chổi xuất hiện dưới vòm trời thì tất cả dân chúng đói kém, bệnh tật, gầy gò v.v... đủ những khổ não. Sao chổi ái cũng như vậy, có thể đoạn diệt tất cả hạt giống thiện căn, khiến cho người phàm phu cô độc, khổ cùn, đói kém sinh ra bệnh phiền não, lưu chuyển trong sinh tử, chịu đủ thứ khổ, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như sao chổi.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa quan sát chín thứ ái kiết như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên các người phàm phu có khổ không có đế, Thanh văn, Duyên giác có khổ có khổ đế mà không có chân đế, các Bồ-tát v.v... hiểu rõ khổ, không khổ. Vậy nên không khổ mà có chân đế. Các phàm phu có tập không có đế, Thanh văn, Duyên giác có tập, có tập đế. Các Bồ-tát v.v... hiểu rõ tập, không có tập. Vậy nên không tập mà có chân đế. Thanh văn, Duyên giác có diệt chẳng phải chân. Đại Bồ-tát có diệt có chân đế. Thanh văn, Duyên giác có đạo chẳng phải chân. Đại Bồ-tát có đạo có chân đế.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa thấy diệt, thấy diệt đế? Đó là đoạn trừ tất cả phiền não. Nếu phiền não đoạn trừ thì gọi là thường. Diệt lửa phiền não thì gọi là tịch diệt. Phiền não diệt rồi thì được hưởng thọ lạc. Chư Phật, Bồ-tát cầu nhân duyên nên gọi là tịnh, lại chẳng thọ hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế. Do xuất thế nên gọi là ngã. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... hoặc nam, hoặc nữ, hoặc sinh, trụ, diệt, hoặc khổ, hoặc vui, chẳng khổ chẳng vui, chẳng giữ lấy tướng mạo v.v... nên gọi là chân đế rốt ráo tịch diệt. Này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa như thế mà quan sát diệt Thánh đế.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát đạo Thánh đế? Ví như trong tối nhờ đèn mà thấy được vật lớn, nhỏ. Đại Bồ-tát cũng như vậy, trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, nhờ tám Thánh đạo mà thấy tất cả pháp. Đó là thường -

vô thường, hữu vi - vô vi, chúng sinh - chẳng phải chúng sinh, vật - chẳng phải vật, khổ - vui, ngã - vô ngã, tịnh - bất tịnh, phiền não - chẳng phải phiền não, nghiệp - chẳng phải nghiệp, thật - chẳng thật, thừa - chẳng phải thừa, tri - vô tri, chủ đế - chẳng phải chủ đế, y chỉ - chẳng phải y chỉ, kiến - chẳng phải kiến, sắc - chẳng phải sắc, đạo - chẳng phải đạo, giải - chẳng phải giải. Này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa mà quan sát đạo Thánh đế như thế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tám Thánh đạo là đạo Thánh đế thì nghĩa chẳng tương ứng. Vì sao? Vì Như Lai hoặc nói rằng lòng tin là đạo, có thể độ được các lậu. Hoặc có khi Như Lai nói, đạo là chẳng phóng dật. Chư Phật Thế Tôn chẳng phóng dật nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng là pháp trợ đạo của Bồ-tát. Hoặc có khi Như Lai nói, tinh tấn là đạo. Như Như Lai bảo A-nan, nếu có người có thể siêng tu tinh tấn thì được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Như Lai nói, đạo là quán thân niệm xứ, nếu có người chuyên tâm tinh cần tu tập thân niệm xứ này thì được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Đức Phật nói, chánh định là đạo, như Phật bảo Đại đức Đại Ca-diếp, phạm chánh định chân thật là đạo, chẳng phải chẳng chánh định là đạo. Nếu vào chánh định thì mới có thể tư duy sự sinh diệt của năm ấm, chẳng phải chẳng vào định mà có thể tư duy. Hoặc Phật nói, đối với một pháp, nếu người tu tập thì có thể tịnh chúng sinh, diệt trừ tất cả lo buồn khổ não, kiến lập được chánh pháp. Pháp đó gọi là niệm Phật Tam-muội. Hoặc Phật lại nói, tu tưởng về vô thường thì đó gọi là đạo. Như Phật bảo các Tỳ-kheo, có người có thể tu tưởng về vô thường thì có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc Phật nói, ngồi một mình ở chỗ A-lan-nhã không tịch mà tư duy thì có thể mau chóng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Phật nói, vì người diễn nói pháp thì đó gọi là đạo. Nếu nghe pháp rồi lười nghi liền đoạn trừ mà lười nghi đã đoạn trừ rồi thì thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Phật nói, trì giới là đạo, như Phật bảo Tôn giả A-nan, nếu có người tinh cần tu trì giới cấm thì người đó qua khỏi khổ lớn sinh tử. Hoặc có khi Phật

nói, gần gũi bạn lành thì đó gọi là đạo, như Phật bảo Tôn giả A-nan, nếu có người gần gũi bậc thiện tri thức thì an tịnh được giới. Nếu có chúng sinh có thể gần gũi Ta thì được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Phật nói, tu từ là đạo. Người tu học từ thì đoạn trừ các phiền não, đạt chỗ chẳng động. Hoặc có khi Phật nói, trí tuệ là đạo. Như Phật thuở xưa vì Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề nói: “Này chị em! Như các Thanh văn dùng dao trí tuệ có thể đoạn dứt các dòng lậu phiền não”. Hoặc có khi Phật nói, thí là đạo. Như thuở trước Phật bảo vua Ba-tư-nặc: “Này đại vương! Ông phải biết, Ta thuở xa xưa làm nhiều việc tuệ thí. Do nghĩa này nên ngày nay thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bạch Thế Tôn! Nếu tám Thánh đạo là đạo đế thì như vậy các kinh điển há chẳng phải là hư vọng! Nếu những kinh đó chẳng phải là hư vọng thì vì duyên gì trong những kinh đó chẳng nói tám Thánh đạo là đạo Thánh đế? Nếu những kinh đó chẳng nói thì thuở xưa vì sao Như Lai lầm lẫn? Nhưng con nhất định biết các Đức Phật Như Lai từ lâu đã lìa sự lầm lẫn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông nay muốn biết bí mật trong kinh điển vi diệu Đại Thừa của Bồ-tát nên hỏi vấn đề đó. Này thiện nam! Đúng vậy, các kinh điển đều thuộc đạo đế. Này thiện nam! Như trước Ta đã nói, nếu có lòng tin là đạo, mà tin đạo như vậy là tin căn bản, là có thể trợ đạo Bồ-đề. Vậy nên lời nói của Ta không có lầm lẫn. Này thiện nam! Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện, muốn hóa độ chúng sinh nên tạo tác đủ thứ pháp như vậy. Này thiện nam! Ví như vị lương y nhận biết nguyên nhân đủ thứ bệnh của các chúng sinh, rồi tùy theo bệnh của họ mà cho thuốc, cùng nói sự cấm kỵ của thuốc, chỉ có một thứ là nước thì chẳng ở trong lệ cấm. Hoặc cho uống nước gừng, hoặc nước cam thảo, hoặc nước tể tân, hoặc nước hắc thạch mật, hoặc nước a-ma-lặc, hoặc nước ni-bà-la, hoặc nước bát-trú-la, hoặc uống nước lạnh, hoặc uống nước nóng, hoặc nước bồ đào, hoặc nước an thạch lựu. Này thiện nam! Như vậy vị lương y giỏi biết đủ thứ thuốc trị bệnh của chúng sinh tuy có nhiều thứ cấm nhưng nước thì chẳng ở trong lệ đó. Như Lai cũng vậy, giỏi biết các phương tiện, nhưng đối với pháp tướng

tùy theo các chúng sinh mà phân biệt rộng nói đủ thứ danh tướng. Những chúng sinh kia theo lời nói mà lãnh thọ, thọ rồi tu tập đoạn trừ phiền não, như người bệnh kia theo lời dạy của lương y nên bệnh được tiêu trừ. Lại nữa, này thiện nam! Như có người giỏi hiểu mọi thứ tiếng nói ở trong đại chúng. Đại chúng này bị sự bức bách bởi nóng khát, hoặc phát lên tiếng: “Ta muốn uống nước. Ta muốn uống nước”. Người đó tức thời dùng nước trong mát, tùy theo chủng loại của những người khát ấy mà nói: “Nước đây”, hoặc nói: “Bà-lợi”, hoặc nói: “Bà-gia”, hoặc nói: “Cam lồ”, hoặc nói: “Sữa bò”. Người đó dùng vô lượng tên của nước như vậy để nói cho đại chúng đó. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, dùng một Thánh đạo vì các Thanh văn diễn nói đủ thứ, từ tín căn v.v... đến tám Thánh đạo. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thợ vàng dùng một thứ vàng mà tùy ý tạo tác đủ thứ vàng, như là kẹp, khóa, vòng, xuyên thoa cài tóc, khoen tai, mào ấn tay v.v... Tuy có sự sai biệt chẳng đồng như vậy nhưng chẳng lia vàng. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, dùng một Phật đạo tùy theo các chúng sinh phân biệt đủ thứ vì họ mà diễn nói. Hoặc nói một thứ, như là chư Phật một đạo không hai; hoặc lại nói hai thứ, như là định, tuệ; lại nói ba thứ, như là kiến, tuệ, trí; lại nói bốn thứ, như là kiến đạo, tu đạo, vô học đạo, Phật đạo; lại nói năm thứ, như là tín hành đạo, pháp hành đạo, tín giải thoát đạo, kiến đạo, thân chứng đạo; lại nói sáu thứ, như là Tu-đà-hoàn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo, A-la-hán đạo, Phật-bích-chi đạo, Phật đạo; lại nói bảy thứ, như là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, định giác phần, xả giác phần; lại nói tám thứ, đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; lại nói chín thứ, đó là tám thánh đạo và tín; lại nói mười thứ, đó là mười lực; lại nói mười một thứ, đó là mười lực và đại từ; lại nói mười hai thứ, đó là mười lực và đại từ, đại bi; lại nói mười ba thứ, đó là mười lực, đại từ, đại bi và niệm Phật Tam-muội; lại nói mười sáu thứ, đó là mười lực, đại từ, đại bi, niệm Phật Tam-muội và ba chánh niệm xứ sở đặc của Phật; lại nói hai mươi đạo, đó là mười lực, bốn vô sở úy, đại từ, đại bi, niệm Phật Tam-muội và ba chánh

niệm xứ. Đây thiện nam! Đạo này là một thể, Như Lai ngày xưa vì chúng sinh nên phân biệt đủ thứ. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như nhân từ một thứ lửa đốt cháy lên mà được đủ thứ tên, như là lửa cây, lửa cỏ, lửa trấu, lửa rơm, lửa phân trâu ngựa v.v... Đây thiện nam! Phật đạo cũng vậy, chỉ một không hai, nhưng vì chúng sinh nên phân biệt đủ thứ. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như một thứ thức mà phân biệt nói thành sáu thứ: Nếu đến với mắt thì gọi là nhãn thức... cho đến ý thức cũng như vậy. Đây thiện nam! Đạo cũng như vậy, chỉ một không hai, nhưng Như Lai vì giáo hóa các chúng sinh nên phân biệt ra đủ thứ. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như một sắc pháp mà mắt thấy thì gọi là sắc, tai nghe thì gọi là thanh, mũi ngửi thì gọi là hương, lưỡi nếm thì gọi là vị, thân biết thì gọi là xúc. Đây thiện nam! Đạo cũng như vậy, chỉ một không hai, nhưng Như Lai vì muốn giáo hóa chúng sinh nên phân biệt ra đủ thứ. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên tám chánh đạo phân gọi là đạo Thánh đế. Đây thiện nam! Bốn Thánh đế này chư Phật Thế Tôn theo thứ lớp mà nói. Do nhân duyên này nên vô lượng chúng sinh đã được ra khỏi sinh tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Một thuở trước đây, Phật ở trong rừng Thi Thủ bên bờ sông Hằng, bấy giờ, Như Lai lấy một ít lá cây rồi bảo các Tỳ-kheo: “Số lá cầm trong tay Ta hôm nay nhiều hay số lá của tất cả cây cỏ mọc trên đất nhiều?”. Các thầy Tỳ-kheo bạch: “Thưa Thế Tôn! Số lá của tất cả cây cỏ mọc trên đất nhiều chẳng thể kể xiết, còn số lá mà Như Lai nắm trong tay thì ít chẳng đáng kể”. “Đây các Tỳ-kheo! Sự hiểu biết của Ta về tất cả pháp như những cỏ cây mọc khắp trên đất, nhưng những điều vì các chúng sinh tuyên nói thì như số lá nắm trong tay”. Bấy giờ, Thế Tôn nói lời như vậy là Ngài đã hiểu rõ vô lượng các pháp, nếu đã nhập vào bốn Thánh đế thì Thế Tôn đã nói, nếu chẳng vào thì cần có năm đế.

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Điều hỏi của ông hôm nay có thể đem lại lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sinh. Đây thiện nam! Như vậy các pháp đều đã tóm thâu trong bốn Thánh đế.



Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Những pháp như vậy nếu ở trong bốn Thánh đế thì vì sao Như Lai xưng rằng, chẳng nói?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Tuy tóm thâu trong đó nhưng vẫn không gọi là nói. Vì sao? Này thiện nam! Vì biết bốn Thánh đế có hai thứ trí, một là trung trí, hai là thượng trí. Trung trí là trí của Thanh văn, Duyên giác. Thượng trí là trí của chư Phật, Bồ-tát. Này thiện nam! Biết các ấm là khổ thì gọi là trung trí. Phân biệt các ấm có vô lượng tướng, đều là các khổ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Này thiện nam! Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta hoàn toàn chẳng nói đến. Này thiện nam! Biết các nhập thì gọi là môn, cũng gọi là khổ, đó gọi là trung trí. Phân biệt các nhập có vô lượng tướng đều là khổ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chưa nói đến. Này thiện nam! Biết các giới thì gọi là phần, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ, đó gọi là trung trí. Phân biệt các giới có vô lượng tướng đều là các khổ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, Ta đối với những kinh khác cũng chẳng nói đến. Này thiện nam! Biết tướng hoại của sắc thì gọi là trung trí. Phân biệt các sắc có vô lượng tướng đều là các khổ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Này thiện nam! Biết tướng cảm giác của thọ thì gọi là trung trí. Phân biệt các thọ có vô lượng tướng cảm giác thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Này thiện nam! Biết tướng thủ của tưởng thì gọi là trung trí. Phân biệt tướng đó có vô lượng tướng thủ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Này thiện nam! Biết tướng tạo tác của hành thì gọi là trung trí. Phân biệt hành này có vô lượng tướng tạo tác thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh

văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tướng phân biệt của thức thì gọi là trung trí. Phân biệt thức đó có vô lượng tướng biết thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết nhân duyên của ái có thể sinh ra năm ấm thì gọi là trung trí. Một người khởi lên vô lượng vô biên ái thì Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết. Nếu có thể biết hết các ái mà tất cả chúng sinh đã khởi lên như vậy thì gọi là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết diệt phiền não thì gọi là trung trí. Phân biệt phiền não chẳng thể xưng kể và diệt cũng như vậy, chẳng thể xưng kể thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tướng của đạo đó có thể lìa khỏi phiền não thì gọi là trung trí. Phân biệt tướng đạo có vô lượng vô biên và sự xa lìa phiền não cũng vô lượng vô biên thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết thế đế thì gọi là trung trí. Phân biệt thế đế vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tất cả hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt là đệ nhất nghĩa thì gọi là trung trí. Biết đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói về thế đế, đệ nhất nghĩa đế thì nghĩa ấy ra sao? Thưa Thế Tôn! Trong đệ nhất nghĩa có thế đế không? Trong thế đế có đệ nhất nghĩa không? Như trong ấy có thì tức là nhất đế. Như trong ấy không có thì lời nói của Như Lai chẳng phải là hư dối sao?

–Này thiện nam! Thế đế tức là đệ nhất nghĩa đế.

–Thưa Thế Tôn! Nếu vậy thì không có hai đế.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Có phương tiện khéo thuận theo chúng sinh thì nói có hai đế. Này thiện nam! Nếu tùy thuận mà nói thì có hai thứ, một là pháp thế gian, hai là pháp xuất thế gian. Này thiện nam! Như pháp mà người xuất thế biết thì gọi là đệ nhất nghĩa đế, mà của người đời biết thì gọi là thế đế. Này thiện nam! Năm ấm hòa hợp thì với danh xưng gì đó. Phạm phu chúng sinh theo danh xưng ấy thì đó là thế đế. Hiểu rõ các ấm không có tên gọi gì hết, lìa khỏi các ấm cũng không có tên gọi gì hết. Người xuất thế có thể biết đúng như tánh tướng của nó thì gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam! Hoặc lại có pháp có tên có thật, hoặc lại có pháp có tên không thật. Này thiện nam! Pháp có tên không thật tức là thế đế, pháp có tên có thật thì đó là đệ nhất nghĩa đế. Này thiện nam! Như ngã, chúng sinh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, trượng phu, tác giả, thọ giả, ánh nước khi nóng, ảo thành, lông rùa, sừng hổ, vòng lửa xoay, các ấm, giới, nhập v.v... thì gọi là thế đế. Khổ, tập, diệt, đạo gọi là đệ nhất nghĩa đế. Này thiện nam! Thế pháp có năm thứ, một là danh thế, hai là cú thế, ba là phước thế, bốn là pháp thế, năm là chấp trước thế. Này thiện nam! Sao gọi là danh thế? Trai, gái, bình, áo, xe cộ, nhà cửa v.v... những vật như vậy thì đó gọi là danh thế. Sao gọi là cú thế? Một bài kệ bốn câu. Những bài kệ như vậy v.v... thì gọi là cú thế. Sao gọi là phước thế? Vén cuốn, hợp lại, ràng buộc, câu kết, trói buộc, chấp tay v.v... đó gọi là phước thế. Sao gọi là pháp thế? Như đánh chùy tập hợp Tăng, tiếng trống nghiêm răn bảo binh sĩ, thổi tù và báo biết thời gian v.v... đó gọi là pháp thế. Sao gọi là chấp trước thế? Như trông xa thấy có người mặc nhiệm y thì sinh tư tưởng chấp trước rằng, chính là Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn. Thấy người có dây bện đeo ngang trên thân thì liền sinh ý niệm: chính là Bà-la-môn, chẳng phải Sa-môn. Đó gọi là chấp trước thế. Này thiện nam! Như vậy gọi là năm thứ pháp thế. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh đối với năm thứ pháp thế như vậy mà lòng không điên đảo, biết đúng như thật thì đó gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này

thiện nam! Hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại v.v... thì đó gọi là thế đế. Không đốt, không cắt, không chết, không hoại v.v... thì đó gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam! Có tám tướng khổ gọi là thế đế. Không sinh, không già, không bệnh, không chết, không ái biệt ly, không oán tăng hội, không cầu bất đắc, không năm ấm thịnh thì gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mỗi người có nhiều khả năng, nếu khi người ấy chạy thì gọi là người chạy, nếu khi người ấy cắt cỏ thì lại gọi là người cắt cỏ, nếu người ấy làm thức ăn uống thì gọi là người nấu ăn, nếu người ấy chế tác gỗ cây thì gọi là thợ mộc, khi luyện vàng bạc thì gọi là thợ vàng bạc. Như vậy một người có nhiều tên gọi, pháp cũng như vậy, kỳ thật là một mà có nhiều tên. Nương nhân cha mẹ hòa hợp mà sinh ra thì gọi là thế đế. Do mười hai nhân duyên hòa hợp mà sinh ra thì gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cái gọi là thật đế thì nghĩa ấy thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói thật đế thì đó là chân pháp. Này thiện nam! Nếu pháp chẳng phải chân thật thì chẳng gọi là chân đế. Này thiện nam! Thật đế thì không điên đảo mà không điên đảo thì mới gọi là thật đế. Này thiện nam! Thật đế thì không có hư vọng. Nếu có hư vọng thì chẳng gọi là thật đế. Này thiện nam! Thật đế thì đó là Đại thừa. Chẳng phải Đại thừa thì chẳng gọi là thật đế. Này thiện nam! Thật đế là lời nói của Phật, chẳng phải là lời nói của ma. Nếu là lời nói của ma, chẳng phải là lời nói của Phật thì chẳng gọi là Thật đế. Này thiện nam! Thật đế là một đạo thanh tịnh, không có hai. Này thiện nam! Có thường, có lạc, có ngã, có tịnh thì đó gọi là nghĩa của Thật đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu lấy chân thật làm thật đế thì pháp chân thật tức là Như Lai, hư không, Phật tánh. Nếu như vậy thì Như Lai, hư không cùng với Phật tánh không có sai biệt.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Có khổ có đế có thật, có tập có đế có thật, có diệt có đế có thật, có đạo có đế có thật. Đây thiện nam! Như Lai chẳng phải khổ, chẳng phải đế mà là thật. Hư không chẳng phải khổ, chẳng phải đế mà là thật. Phật tánh chẳng phải khổ, chẳng phải đế mà là thật. Đây Văn-thù-sư-lợi! Cái gọi là khổ là tướng vô thường, là tướng có thể đoạn. Đó là thật đế. Tánh của Như Lai chẳng phải khổ, chẳng phải vô thường, chẳng phải tướng có thể đoạn. Vậy nên Như Lai là thật. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Lại nữa, đây thiện nam! Cái gọi là tập đế là có thể khiến cho năm ấm hòa hợp mà sinh ra, cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô thường, là tướng có thể đoạn. Đó là thật tướng. Đây thiện nam! Như Lai chẳng phải là tánh tập, chẳng phải là nhân ấm, chẳng phải tướng có thể đoạn. Vậy nên Như Lai là thật. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Đây thiện nam! Cái gọi là diệt là phiền não diệt, cũng thường và vô thường. Sở đắc của Nhị thừa gọi là vô thường. Sở đắc của chư Phật thì gọi là thường, cũng gọi là chứng pháp. Đó là thật đế. Đây thiện nam! Tánh của Như Lai chẳng gọi là diệt, có thể diệt phiền não, chẳng phải thường, vô thường, chẳng gọi là chứng biết, thường trụ không biến đổi. Vậy nên Như Lai là thật. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Đây thiện nam! Đạo có thể đoạn phiền não, cũng thường, vô thường, là pháp có thể tu. Đó gọi là thật đế. Như Lai chẳng phải đạo có thể đoạn phiền não, chẳng phải thường, vô thường, chẳng phải pháp có thể tu mà thường trụ bất biến. Vậy nên là thật. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Lại nữa, đây thiện nam! Nói rằng chân thật tức là Như Lai. Như Lai tức là chân thật. Chân thật tức là hư không. Hư không tức là Chân thật. Chân thật tức là Phật tánh. Phật tánh tức là Chân thật. Đây Văn-thù-sư-lợi! Có khổ thì có nhân của khổ, có sự hết khổ, có sự đối trị của khổ mà Như Lai chẳng phải khổ... chẳng phải là đối trị của khổ. Vậy nên Như Lai là thật, chẳng gọi là đế. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Khổ là hữu vi, hữu lậu, không vui còn Như Lai chẳng phải hữu vi, chẳng phải hữu lậu, rốt suốt an vui, là thật chẳng phải là đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời nói của Phật, chẳng điên đảo thì gọi là thật đế. Nếu như vậy thì trong bốn đế có bốn điên đảo chăng?

Trong đó nếu có thì tại sao nói không có điên đảo, gọi là thật đế, còn tất cả điên đảo thì chẳng gọi là thật?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tất cả điên đảo đều đưa đến khổ đế. Như tất cả chúng sinh có lòng điên đảo thì gọi là điên đảo. Nay thiện nam! Ví như có người chẳng nghe lời dạy bảo của cha mẹ, bậc tôn trưởng, hay tuy có nghe mà chẳng thể thuận làm theo thì người như vậy gọi là điên đảo. Như vậy điên đảo chẳng phải là chẳng khổ mà tức là khổ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như lời Phật nói, chẳng hư vọng tức là thật đế. Nếu vậy thì phải biết hư vọng chẳng phải thật đế.

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Tất cả hư vọng đều đưa đến khổ đế. Như có chúng sinh lừa dối người khác. Do nhân duyên này nên đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Những pháp như vậy v.v... thì gọi là hư vọng. Như vậy hư vọng chẳng phải là chẳng khổ mà tức là khổ. Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn xa lìa những hành động đó nên chẳng gọi là hư vọng. Như vậy hư vọng là đối tượng đoạn trừ của các Đức Phật và hàng Nhị thừa nên gọi là thật đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như lời Phật nói, Đại thừa là thật đế, thì nên biết Thanh văn, Phật-bích-chi thừa là chẳng thật.

Đức Phật dạy:

–Nay Văn-thù-sư-lợi! Hàng Nhị thừa kia là thật cũng chẳng thật. Thanh văn, Duyên giác đoạn các phiền não thì gọi là thật. Vô thường chẳng thường trụ là pháp biến dịch thì đó gọi là chẳng thật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như lời Phật nói, nếu lời nói của Phật gọi là thật thì nên biết lời nói của ma là chẳng thật. Thừa Thế Tôn! Như lời nói của ma thì có thuộc về Thánh đế không?

Đức Phật dạy:

–Nay Văn-thù-sư-lợi! Lời nói của ma thì thuộc về hai đế là khổ và tập. Phạm là tất cả sự phi pháp, phi luật chẳng thể làm cho

con người được lợi ích, dù cho trọn ngày tuyên nói cũng không có người thấy khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, thì đó gọi là hư vọng. Như vậy hư vọng thì gọi là lời nói của ma.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như lời Phật nói, một đạo thanh tịnh, không có hai. Những ngoại đạo v.v... cũng lại nói: “Ta có một đạo thanh tịnh, không có hai”. Nếu nói rằng một đạo là thật đế thì cùng với ngoại đạo kia có gì sai biệt? Nếu không sai biệt thì chẳng nên nói rằng, một đạo thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Các ngoại đạo v.v... có khổ đế, tập đế, không có diệt đế và đạo đế. Chúng ở trong cái chẳng phải diệt mà sinh ra tưởng về diệt, ở trong cái chẳng phải đạo mà sinh ra tưởng về đạo, ở trong cái chẳng phải quả mà sinh ra tưởng về quả, ở trong cái chẳng phải nhân mà sinh ra tưởng về nhân. Do nghĩa này nên ngoại đạo kia không có một đạo thanh tịnh không hai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như lời Phật nói, có thường, có lạc, có ngã, có tịnh là thật nghĩa thì các ngoại đạo v.v... nên có thật đế, trong pháp Phật thì không. Vì sao? Vì những hạng ngoại đạo cũng lại nói rằng, các hành là thường. Sao gọi là thường? Vừa ý hay chẳng vừa ý thì các nghiệp báo đều phải thọ nhận, chẳng mất. Vừa ý là quả báo của mười thiện, chẳng vừa ý là quả báo của mười điều bất thiện. Nếu nói rằng, các hành đều vô thường mà người tạo nghiệp ở đây đã diệt thì còn ai để thọ quả báo? Do nghĩa này nên các hành là thường, nhân duyên sát sinh gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Nếu nói rằng, các hành đều là vô thường thì người giết và đối tượng bị giết cả hai đều vô thường. Nếu vô thường thì ai ở địa ngục mà thọ tội báo. Nếu nói rằng, nhất định có người thọ báo ở địa ngục thì phải biết các hành thật chẳng phải vô thường. Thưa Thế Tôn! Buộc lòng chuyên niệm cũng gọi là thường như là điều nghĩ ngợi mười năm cho đến trăm năm cũng chẳng quên mất. Vậy nên đó là thường. Nếu vô thường thì việc thấy trước kia ai nhớ? Ai nghĩ? Do nghĩa này nên tất cả các hành chẳng

phải là vô thường. Bạch Thế Tôn! Tất cả sự nhớ tưởng cũng gọi là thường. Có người lúc trước nhìn thấy các tướng chân, tay, đầu, cổ v.v... của người khác thì về sau nếu gặp liền nhớ biết lại người đó. Nếu vô thường thì tướng cũ nên diệt đi. Thưa Thế Tôn! Những nghiệp đã làm do tu tập lâu, hoặc mới theo học, hoặc trải qua ba năm hay trải qua năm năm v.v... rồi sau đó mới hiểu biết hoàn toàn nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Pháp tính toán, từ một đến hai, từ hai đến ba cho đến trăm ngàn. Nếu vô thường thì số một ban đầu nên diệt mà số một ban đầu nếu diệt thì cái gì lại đến hai? Như vậy là chỉ thường có một, không bao giờ có số hai. Do một chẳng diệt nên được đến hai cho đến trăm ngàn. Vậy nên gọi là thường. Thưa Thế Tôn! Như phép đọc tụng, tụng một A-hàm, đến hai A-hàm cho đến ba, bốn A-hàm. Như A-hàm ấy vô thường thì việc đọc tụng nhất định chẳng đến bốn. Do nhân duyên tăng trưởng việc đọc tụng đó nên gọi là thường. Thưa Thế Tôn! Bình, áo, xe cộ v.v... như người mắc nợ, hình tướng đất đai, núi, sông, cây, rừng, thảo dược, lá cây mà chúng sinh trị bệnh đều là thường cũng như vậy. Thưa Thế Tôn! Tất cả ngoại đạo đều nói lời này: “Các hành là thường”. Nếu đó là thường thì tức là thật đế. Thưa Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Có lạc”. Làm sao mà biết? Người thọ quả báo nhất định được vừa ý. Thưa Thế Tôn! Phàm người thọ lạc nhất định được sự an vui đó. Đó là vua trời Đại Phạm, trời Đại Tự Tại, Thích-đề-hoàn-nhân, trời Tỳ-nụ và những người, trời khác. Do nghĩa này nên nhất định có lạc. Thưa Thế Tôn! Có các ngoại đạo nói: “Có lạc” có thể khiến cho chúng sinh sinh ra cầu mong, người đói cầu ăn, người khát cầu uống, người lạnh cầu ấm, người nóng cầu mát, người mệt nhọc cầu nghỉ ngơi, người bệnh cầu khỏi bệnh, người tham dục cầu sắc v.v... Nếu không có lạc thì những người kia vì nhân duyên gì mà cầu? Do có người cầu nên biết là có lạc. Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Bố thí có thể được lạc. Người thế gian ưa bố thí cho Sa-môn, các Bà-la-môn, người bần cùng khốn khổ quần áo, thức ăn, thức uống, ngoại cụ, thuốc chữa bệnh, voi, ngựa, xe cộ, hương bột, hương xoa, mọi thứ hoa, nhà cửa, chỗ ở, đèn sáng v.v... Họ ban cho đủ thứ như vậy v.v... là để cho đời sau của mình thọ được quả báo vừa ý. Vậy nên phải



biết là nhất định có lạc”. Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Do nhân duyên nên phải biết là có lạc. Như là người thợ lạc thì có nhân duyên nên gọi là lạc xúc. Nếu người không có lạc thì làm sao được nhân duyên. Như không có sừng thỏ thì không có nhân duyên. Có nhân duyên của lạc thì biết là có lạc”. Thưa Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Thợ lạc có thượng, trung, hạ nên phải biết là có lạc. Thợ lạc cấp thấp là Thích-đề-hoàn-nhân. Thợ lạc cấp trung là vua trời Đại Phạm. Thợ lạc cấp cao là trời Đại Tự Tại. Do có thượng, trung, hạ như vậy nên phải biết là có lạc”. Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Có tịnh. Vì sao? Nếu không có tịnh thì chẳng nên khởi dục, mà nếu khởi dục thì phải biết là có tịnh”. Họ lại nói: “Vàng, bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, chân châu, bích ngọc, kha bối, suối chảy, ao tắm, thức ăn, thức uống, quần áo, hoa hương, hương bột, hương xoa, ánh sáng đèn đuốc v.v... những vật như vậy đều là pháp tịnh. Lại nữa, có tịnh. Nghĩa là năm ấm là đồ tịnh chứa đựng các tịnh vật như là trời, người, các tiên, A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát, chư Phật. Do nghĩa này nên gọi năm ấm đó là tịnh”. Thưa Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Có ngã. Vì có sự nhìn thấy thì có thể tạo tác. Ví như có người vào nhà của người thợ gốm, tuy chẳng thấy thân người thợ gốm nhưng vì thấy bánh xe, sợi dây nên nhất định biết nhà ấy là nhà của người thợ gốm. Ngã cũng như vậy, mắt thấy sắc rồi thì nhất định biết có ngã. Nếu không có ngã thì ai có thể thấy sắc; nghe tiếng cho đến xúc pháp cũng như vậy. Lại nữa, làm sao biết được có ngã? Nhân tướng nên biết, những gì là tướng? Hít thở, nhìn ngắm, thọ mạng, dấy tâm, thọ các khổ vui, tham cầu, sân hận v.v... những pháp như vậy đều là tướng của ngã. Vậy nên biết là nhất định có ngã. Lại nữa, có ngã thì có thể phân biệt vị. Có người ăn trái cây, mới nhìn thấy đã biết vị. Vậy nên phải biết nhất định là có ngã. Lại nữa, làm sao biết có ngã? Do nghề nghiệp chấp tác. Cầm liềm có thể cắt cỏ, cầm búa có thể bửa củi, cầm bình thì đựng nước, cầm xe thì có thể điều khiển v.v... những việc như vậy thì ngã có thể chấp tác. Vậy nên phải biết nhất định là có ngã. Lại nữa, làm sao biết có ngã? Ngay lúc sinh ra là muốn được bú sữa, là do tập khí đời trước. Do đó phải biết nhất định là có ngã.

Lại nữa, làm sao biết có ngã? Hòa hợp lợi ích cho chúng sinh khác. Ví như bình, quần áo, xe cộ, ruộng, nhà, núi rừng, cây cối, voi, ngựa, trâu, dê v.v... Những vật như vậy nếu hòa hợp thì có lợi ích. Năm ấm bên trong này cũng như vậy, mắt v.v... các căn có hòa hợp thì tạo lợi ích cho ngã. Vậy phải biết nhất định là có ngã. Lại nữa, làm sao biết có ngã? Vì có pháp ngăn ngại. Như có vật thì có sự ngăn ngại, nếu vật không có thì không có ngăn ngại. Nếu có ngăn ngại thì biết là có ngã. Vậy nên phải biết nhất định là có ngã. Lại nữa, làm sao biết có ngã? Bạn - chẳng phải bạn, thân - chẳng phải thân cũng chẳng phải là bạn bè, chánh pháp - tà pháp cũng chẳng phải là bạn bè, trí cùng chẳng phải trí cũng chẳng phải bạn bè, Sa-môn - chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn - chẳng phải Bà-la-môn, con - chẳng phải con, ngày - chẳng phải ngày, đêm - chẳng phải đêm, ngã - chẳng phải ngã v.v... những pháp như vậy là bạn, chẳng phải bạn. Vậy nên phải biết nhất định là có ngã”. Bạch Thế Tôn! Những ngoại đạo v.v... đã bằng đủ cách để nói lên có thường, lạc, ngã, tịnh thì phải biết nhất định là có thường, lạc, ngã, tịnh. Thưa Thế Tôn! Do nghĩa này nên các ngoại đạo v.v... cũng có thể nói: “Ngã có chân đế”.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn có thường, có lạc, có ngã, có tịnh thì đó chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn. Vì sao? Vì mê ở sinh tử xa lìa bậc đại Đạo sư Nhất thiết trí. Những Sa-môn, Bà-la-môn như thế đắm chìm trong các dục, pháp thiện tổn hao. Những ngoại đạo này bị sự trói buộc tại ngục tù tham dục, sân hận, ngu si mà vẫn cam chịu, yêu thích. Những ngoại đạo này tuy biết nghiệp quả, mình làm mình chịu nhưng mà còn chẳng thể xa lìa pháp ác. Những ngoại đạo này chẳng phải là tự sống bằng chánh pháp, chánh mạng. Vì sao? Vì không có lửa trí tuệ nên chẳng thể tiêu trừ. Những ngoại đạo này tuy tham đắm năm dục thượng diệu nhưng nghèo nàn pháp thiện, chẳng siêng tu tập. Những ngoại đạo này tuy muốn đi đến trong chánh giải thoát mà việc trì giới hoàn toàn chẳng thành tựu. Những ngoại đạo này tuy muốn cầu lạc mà chẳng thể cầu nhân duyên của lạc. Những ngoại đạo này tuy rất ghét tất cả những khổ nhưng hành động của họ chưa có thể xa lìa những

nhân duyên của khổ. Những ngoại đạo này tuy bị sự trói buộc của răn độc bốn đại nhưng còn hành động buông lung, chẳng thể cẩn thận. Những ngoại đạo này bị sự che phủ của vô minh, xa lìa bạn lành, ưa ở trong lửa lớn vô thường rực cháy của ba cõi mà chẳng thể ra khỏi. Những ngoại đạo này gặp những bệnh phiền não khó khổ mà lại chẳng cầu bậc lương y đại trí. Những ngoại đạo này vào đời vị lai sẽ phải lặn lội trên đường xa xôi, nguy hiểm vô biên mà chẳng biết dùng vốn liếng pháp thiện để tự trang nghiêm. Những ngoại đạo này thường bị tai họa thâm độc của dâm dục làm hại mà ngược lại còn ôm giữ rương chất độc năm dục. Những ngoại đạo này sân hận hừng hực mà lại gần gũi bạn ác. Những ngoại đạo này thường bị vô minh che phủ mà lại còn tìm kiếm pháp tà ác. Những ngoại đạo này thường bị tà kiến lừa dối mê hoặc mà lại còn ở trong đó sinh ra tư tưởng thân thiện. Những ngoại đạo này mong được ăn trái ngọt mà lại trồng hạt đắng. Những ngoại đạo này ở trong nhà tối phiền não mà lại xa lìa ánh sáng của ngọn đuốc đại trí. Những ngoại đạo này bị bệnh khát phiền não mà lại uống nước mặn các dục. Những ngoại đạo này chìm nổi trong dòng sông lớn sinh tử vô biên mà lại xa lìa người lái thuyền vô thượng. Những ngoại đạo này mê hoặc, điên đảo nói rằng các hành là thường. Các hành nếu là thường là không có điều đó.

